

CỨU NGUYỆN CHO NGƯỜI HƯ MỘT

Xin giới thiệu với mọi người bài hát [Mot ngay co Chua](#)

Phần lớn trong chúng ta thấy khó khi cầu nguyện cho ai đó được cứu vì chúng ta không biết phải nói gì, “Chúa ơi, xin hãy cứu người này.” Chúng ta cảm thấy thật ngu dại khi cứ cầu nguyện cùng một lời như thế lặp đi lặp lại nên chúng ta thường hay bỏ cuộc và ngưng cầu nguyện. Tuy nhiên, loại cầu nguyện này liên hệ đến bốn lĩnh vực : cá nhân, người làm chứng, lời Chúa và sự phồn hưng. Khi chúng ta học cầu nguyện cụ thể trong những lĩnh vực này, lời cầu thay của chúng ta sẽ trở nên đầy thách thức và hiệu quả.

Đầu tiên, chúng ta cầu nguyện cho cá nhân đó bằng cách nêu tên, xin Chúa làm năm điều trong đời sống người đó. Trước hết, chúng ta xin Chúa thánh hóa người đó. Điều này nghe hơi lạ nhưng đây là cách Chúa bắt đầu công việc cứu chuộc trong đời sống của từng cá nhân. Ngài luôn luôn thánh hóa hay «biệt riêng» người đó cho sự cứu rỗi trước khi Ngài cứu rỗi người đó.

Kinh Thánh dạy rõ lẽ thật này trong 1Phi-e-rơ 1:2, “đã được chọn lựa theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Cha và được thánh hóa bởi Đức Thánh Linh để vâng phục và được rỗi huy hoàng của Chúa Cứu Thế Giê-su.” Chúng ta thấy cùng sự mạnh mẽ này trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13-14, “Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em từ ban đầu Ctd: như những trái đầu mùa để được cứu rỗi nhờ Thánh Linh thánh hóa và nhờ tin chân lý. . .”

Như là Đức Chúa Trời vẽ một vòng tròn vô hình quanh người đó và rỗi bắt đầu đem ảnh hưởng của Ngài tác động người đó. Thật dễ để thấy rằng bắt đầu đi vào cái vòng đó đầu trực tiếp ảnh hưởng đến người đó. Khi chính Đức Chúa Trời bước vào cái vòng đó, nhiều điều kỳ diệu bắt đầu xảy ra, như bạn thấy khi bạn đọc lời làm chứng cá nhân ở phần sau của sách này.

Lẽ thật kỳ diệu này là lời khích lệ lớn lao cho những ai trong

chúng ta cầu nguyện cho người khác vì chúng ta có thể an tâm rằng Đức Thánh Linh là Chúa của mùa gặt luôn theo dõi người này, một khi Ngài thánh hóa người đó! Một sinh viên đại học, tự cho mình là vô thần, lần nọ đã viết cho C.S. Lewis gửi thích rằng anh đã quen biết với một số sinh viên cơ đốc đã làm chứng sớt sớt cho anh về đức tin của họ. Một số điếu họ nói đã làm cho anh phải suy nghĩ; anh đang trải qua một sự tranh chấp dữ dội. Timothee Lewis suy nghĩ gì? Lewis viết hời âm : “Tôi nghĩ anh đã “còn câu” rồi – Đức Thánh Linh đang theo dõi anh. Tôi đoán là anh không thể trốn thoát rồi” (Dunn 118).

Bây giờ chúng ta xin Chúa chúc phúc cho người đó. Khi Chúa Giê-su sai các môn đồ vào “mùa gặt của Ngài,” Ngài ban cho họ những lời dạy cụ thể là “Trước hết hãy nói, ‘Bình an cho nhà đó’” (Lu 10:1-5). Vì luôn luôn là chính sự tốt lành của Đức Chúa Trời đến người ta đến sự ăn năn (Rô 2:4). Nên bắt buộc là chúng ta xin Chúa ban phúc cho họ.

Nhưng đôi khi lời cầu nguyện của chúng ta cho người khác được cứu không mang lại kết quả nhanh chóng, chúng ta có khuynh hướng thất vọng và thiếu kiên nhẫn, thậm chí ước ao Chúa “dùng roi hoạn nạn dạy cho họ một bài học.”

Khi dân chúng làng Samari khước từ Chúa, các môn đồ muốn Chúa thiêu đốt họ. Ngài quở các môn đồ, rằng, “Các người không biết điếu gì cảm các người. Vì Con Người đến không phải để tiêu diệt con người mà để cứu rồi” (Lu 9:52-56). Nếu chúng ta muốn sánh với Cứu Chúa yêu dấu của chúng ta, chúng ta phải liên tục ước ao điếu tốt nhất của Ngài dành cho mọi người. Chúng ta nên đặt biệt xin phúc lành tốt nhất của Ngài đến trên những người mà chúng ta cầu nguyện.

Thứ ba, chúng ta xin Chúa cáo trách người đó, vì sự cáo trách thật cần thiết cho sự cứu rồi. Chỉ Đức Thánh Linh mới có thể cáo trách ai đó nên chúng ta hãy nại xin Giăng 16:8-11 trong lời cầu nguyện của chúng ta. Về căn bản sự cáo trách nghĩa là cáo trách về lỗi lầm. Lỗi lầm hay nan đề của người hư mất nằm ở chỗ “không tin Chúa Giê-su” và đây là TỘI mà Đức Thánh Linh

cáo trách (Gi 16:9).

Người ta đ̄u bīt “tội” c̄a họ là gì, ngoại trừ tội không tin Chúa Giê-su. Vì đây là tội duy nh̄t k̄t án người ta xūng địa ngục nên satan che m̄t con người v̄ tội này. Vì th̄, Đức Thánh Linh cáo trách hay thuȳt phục người hư m̄t v̄ m̄i tội này, bày t̄ cho họ th̄y Chúa Cứu Th̄ Giê-su trong sự vinh hīn c̄a Ngài đ̄ họ có th̄ được cứu. Tuy nhiên, chúng ta ph̄i bīt rằng sự cáo trách không tự động đ̄m b̄o sự cứu r̄i. Như Phao lô “gīi thích v̄ sự công chính, sự tīt độ và phán xét h̄u đ̄n, Phê-lít run sợ . . .” (Công vụ 24:25). Nhưng không có bằng cứ trong Kinh Thánh cho th̄y ông ta được cứu.

K̄ tīp, chúng ta xin Chúa soi sáng tâm trí người đó v̄ lẽ thật. Ngay c̄ sau khi một người bị thuȳt phục v̄ nhu c̄u c̄n được cứu, một tâm trí bị che m̄t kh̄i Phúc âm có th̄ v̄n còn đóng kín với ánh sáng c̄a Phúc âm vinh hīn c̄a Chúa Giê-su và người đó v̄n còn s̄ng trong t̄i t̄m thuộc linh (2 Cô 4:6). Một khi t̄m lòng và tâm trí đã được m̄ ra với lẽ thật, Chúa dùng cơ đ̄c nhân gīi thích Phúc âm cho người đó. Dù hoạn quan Ê-thi-ô-pi là người tìm kīm chân lí, và đã đ̄n Giê-ru-sa-lem thờ phượng Chúa cách công khai và cũng có Kinh Thánh, ông nhìn nhận rằng ông không th̄ hīu “ngoại trừ có ai đó hướng đ̄n tôi” (Công vụ 8:26-39).

Câu chuyện h̄p đ̄n nh̄t là câu chuyện c̄a Cọt-nây (Công vụ 10). Ông là người “tin kính và c̄ nhà ông đ̄u kính sợ Chúa, b̄ thí cho người ta và c̄u nguyện với Chúa luôn.” Nay, ông còn t̄t hơn nhīu cơ đ̄c nhân mà chúng ta bīt, tuy nhiên, ông v̄n còn hư m̄t – ông không hīu con đường cứu r̄i. Ông được một thiên sứ dạy b̄o hãy sai người mời Phi-e-rơ là người sẽ “cho ông bīt ông nên làm gì.” Cọt-nây và người thân c̄a ông r̄t m̄ lòng với Phúc âm nên ngay sau khi họ nghe “Đạo Chúa” thì Đức Thánh Linh giáng trên họ và họ được cứu đ̄ng khi Phi-e-rơ v̄n còn gīng!

Hãy xin Chúa m̄ trí m̄ lòng c̄a người hư m̄t – Ngài sẽ làm! Sau đó, người ta sẽ được cứu cách kì diệu.

Giờ thì chúng ta sẵn sàng để xin Chúa cứu người đó. Tuy nhiên, chúng ta phải sẵn sàng để Chúa làm bất cứ điều gì cần thiết xúc tiến sự cứu rỗi của người đó, vì Đức Chúa Trời đã sắp đặt các biến cố trong đời sống người đó nhằm đem người đó đến sự ăn năn.

Khi chú giải về Luca 19:10, “Vì Con Người đến tìm và cứu kẻ bị hư mất,” Chafer có nói, “Đây còn hơn là cố gắng tìm người chưa được cứu, vì họ có mặt khắp mọi nơi. Từ ngữ này gợi ý một sự chuộc bị của Chúa cho người chưa tin để đem họ đến sự thay đổi theo những điều kiện cần thiết để được cứu rỗi.” (Chafer 3-4).

Gia đình của Tony Fontenot đã cầu nguyện cho anh tin Chúa nhiều năm. Lời cầu nguyện của họ dường như vô dụng cho đến ngày 22, tháng Năm, 1982. Vào cái ngày định mệnh đó anh bị tai nạn máy bay và súyt chết. Đức Chúa Trời đã làm anh thức tỉnh và phần còn lại thật dễ dàng!

Không có một người chuộc bị đón nhận Phúc âm, nên ai đó chia sẻ Phúc âm cho anh ta. Điều tự nhiên phải làm là cầu nguyện xin Chúa sai ai đó làm việc này. Sự thật thì đây là điều mà Ngài bảo chúng ta làm, “Mùa gặt thật trủng, nhưng thợ gặt thì ít. Vậy, hãy cầu xin Chúa mùa gặt sai thêm thợ gặt vào đồng lúa của Ngài.” (Mat 9:37-38).

Vì những con gặt quá ít, nghĩa là “ít về mức độ, tầm mức, số lượng, thời gian hay giá trị” (Strong’s Dictionary), chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa giúp trong lĩnh vực này. Trước hết chúng ta cầu xin Ngài sai thêm con gặt. Từ Hy-lạp “ekballo” có ý niệm dùng đến sức mạnh – đẩy ra, ném ra, quăng ra.

Hãy nhớ Chúa gặp khó khăn khi sai Giô-na đến Nin-ive giảng Lời Ngài? Ngài “buộc” ông phải đi. Một tình huống tương tự xảy ra khi hội thánh do dự trong việc phân biệt Phúc âm bên ngoài ranh giới của họ. Chúa cho phép một “Trong lúc ấy, Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem bắt đầu bị bắt bớ dữ dội.” (Công vụ 8:1), nhưng “Ngoại trừ các sứ đồ, tất cả các tín hữu đều phải chạy tán lạc trong khắp miền Giu-đê và Sa-ma-ri.” (Công vụ 8:4).

Vì những con gặt không chỉ ít về số lượng mà còn ít về thời gian và giá trị, chúng ta xin Chúa trang bị cho họ những phẩm chất nhằm khi họ thành chứng nhân hiệu quả. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu rằng tất cả sự trang bị đến qua Đức Thánh Linh. Samuel Chadwick nói, “Quyền năng của Đức Thánh Linh không thể phân cách khỏi thân vị của Ngài . . . Đức Chúa Trời không thể thoát thuộc tính của Ngài. Quyền năng của Ngài không thể cho mượn. Nó không thể tách khỏi sự hiện diện của Ngài . . . Ngài không chỉ là Đấng ban cho quyền năng, Ngài dùng tới quyền năng. Không ai có thể làm điếu đó” (Chadwick 89).

Đây là lý do Chúa Giê-su truy cập lệnh cho các môn đồ hãy chờ đợi ở thành Giê-ru-sa-lem cho đến chừng «các người sẽ chịu báp tem trong Đức Thánh Linh» (Công vụ 1:4-5). Rồi Ngài phán với họ, «Nhưng các con sẽ nhận lãnh quyền năng khi Đức Thánh Linh đến trên các con, và các con sẽ làm nhân chứng cho Ta tại Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến tận cùng quả đất.” (Công vụ 1:8).

Dù sự đậy dẫy Đức Thánh Linh là quyền thừa kế của chúng ta (Công vụ 2:38-39), hội thánh biết rõ tất cả về “quyền năng vĩ đại lớn lao dành cho chúng ta là kẻ tin” (Êph 1:19). Hậu quả là những linh hồn quanh chúng ta đang lao xuống địa ngục vì chúng ta bất lực không giúp gì được họ nếu không mặc lấy quyền năng của Đức Thánh Linh. Vì thế, chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa đậy dẫy các công nhân của Ngài bằng Đức Thánh Linh, trang bị họ bằng quyền năng (khả năng và sức mạnh), sự can đảm (Công vụ 4:31), sự khôn ngoan (Châm 11:30), sự nhiệt thành (Cô 4:12-13), lòng trắc ẩn (Giu-đê 22-23) và sự hiểu biết thiên thượng (Giê 33:3). Và kết quả là nhiều linh hồn sẽ được cứu rỗi!

Sau khi chúng ta đã cầu nguyện cho những người được cứu và để các nhân sự làm chứng cho họ, bây giờ chúng ta cầu nguyện để lời Chúa được chia sẻ cho họ. Lý do làm việc này gồm hai điếu: trước hết, không ai được cứu nếu không nghe lời Chúa (Rô 10:14) và thứ hai, satan ghét lời Chúa, liên tục tấn công lời Chúa, dùng mọi nỗ lực quyết của nó ngăn cản người ta không

nhận lời Chúa. Vì cớ lời Chúa đã cáo trách (Công vụ 2:37), đã giãi phóng (Gi 8:32), và đã cứu rỗi (1Phi 1:23) người hư mất, satan cực lực chống đối lời Chúa qua sự xao lãng (Lu 8:11-15), dựng các đụn lũy (2Cô 10:4-5), và dùng sự giết trá (2Cô 11:3-4).

Lời Chúa đối với satan như thuộc tề đối với siêu nhân – nó làm cho hèn yếu ớt và bất lực. Nó cũng làm cho nước của nó thu hẹp khi giãi phóng các nô lệ của nó vì “Các người sẽ biết lẽ thật và lẽ thật sẽ buông tha các người” (Gi 8:32). Nhưng hãy để ý, không phải lẽ thật giãi phóng bạn mà lẽ thật mà bạn biết. Nên satan làm mọi cách có thể để giữ không cho người ta biết lẽ thật.

Khi giãi thích dụ ngôn của người gieo giống cho các môn đồ Ngài, Chúa Giê-su phán satan độn lập tức và cướp đi lời Chúa trước khi người đó hiểu được (Mác 4:15). Đây là lý do thật cần thiết chúng ta cầu nguyện để lời Chúa được chia sẻ cho người hư mất.

Khi cầu nguyện để Chúa dùng lời Ngài cứu rỗi người hư mất, chúng ta sẽ trình dâng năm nhu cầu cụ thể. Trước hết, Lời Ngài được “tự do” (2 Tê 3:1). Điều này đơn giản có nghĩa rằng lời Chúa không bị ngăn trở; rằng satan không cách nào ngăn cản sự vận hành của lời Đức Chúa Trời. Nó sẽ tìm cách ngăn cản lời Chúa bằng mọi cách nó nghĩ ra, cản ngăn và kìm hãm không cho sứ điệp lời Chúa giãi ra, bóp méo lời Chúa, tiêu diệt Kinh Thánh, gieo rắc nghi ngờ về lời Chúa . . . và vân vân.

Kế đến, chúng ta cầu nguyện cho lời Chúa được tôn vinh (2 Tê 3:1). Điều này có nghĩa là lời Chúa được tôn trọng và đánh giá cao giữa vòng những người nghe. Chúng ta sẽ có một sự tôn kính đối với lời Ngài khi chúng ta thấy rằng Ngài “tôn cao lời Ngài trên cả danh Ngài” (Thi 138:20. Thật ra, Đức Chúa Trời là lời Ngài hiện thân. “Ban đầu có Ngôi lời và Ngôi lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi là Đức Chúa Trời. . . Và Ngôi lời trở nên xác thịt và ngự giữa chúng ta. . .” (Gi 1:1,14).

Chúng ta cũng cầu nguyện cho lời Chúa được gia tăng (Công vụ 12:24), vì một trong những quy luật của mùa gặt là, “Ai gieo nhiều thì gặt nhiều” (2Cô 9:6).

Chúng ta cũng cầu nguyện cho lời Chúa được thông thõ hay phô bày sức mạnh (Công vụ 19:20). Giống như một hạt giống nhỏ có thể phá vỡ một lớp đất dày đầm chầy lội thì hạt giống lời Chúa được trồng trong tâm lòng cũng vậy.

Lời cầu nguyện tôi thích nhất đối với lời Chúa là lời Chúa sẽ kết quả. Công vụ 14:1 nói rằng các môn đồ “giống, và vô số người cõ do thái lãn dân ngoại đõu tin.” Chúng ta có thể nại xin Ê-sai 55:11, “Này, lời đã ra từ miệng Ta, sẽ không trở vữ cùng Ta vô hiệu quả, nhưng sẽ làm đõu Ta đã định và hoàn thành việc Ta đã sai khi n n n.” Đức Chúa Trời muốn lời Ngài được kết quả; hãy xin Ngài biến lời Ngài kết quả thì bạn đang cầu nguyện theo ý muốn của Ngài và lời cầu nguyện của bạn sẽ được đáp lời!

Hãy đõ tôi nhắc bạn rằng Giu-đaych-ca-ri-õt đã sống liên tục tiếp xúc với Lời hằng sống của Đức Chúa Trời nhưng ông đã chết và xuống địa ngục vì Chúa Giê-su phán, “Tốt hơn là người đó thà không sinh ra thì hơn” (Mác 14:21). Những người Pharisi – những con người sùng đạo nhất thời đó – thuộc lòng lời Chúa và có thể trích nhiều đoạn Kinh Thánh, nhưng họ xa cách Nước Đức Chúa Trời như bất cứ người nào.

Chúng ta phải hiểu rằng chỉ có Đức Thánh Linh mới làm sống động lời Chúa trong lòng người nghe thì người đó mới được cứu. Đây là lý do chúng ta phải cầu nguyện cho lời Chúa kết quả trong đời sống của những kẻ nghe!

Nếu chúng ta thật sự muốn nhìn thấy vô số được cứu thì chúng ta phải cầu nguyện cho sự phồn hưng. Câu Kinh Thánh kinh điển về sự phồn hưng bất đõu cách này, “Nếu dân sự Ta, là dân gọi bằng danh Ta hạ mình xuống và cầu nguyện . . .” (2 Sõ 7:14). Loại cầu nguyện được nói đõn ở đây là cầu thay – cầu nguyện cho người khác. Chỉ sau khi Gióp cầu nguyện (cùng một từ trong

tiếng Hê-bơ-rơ ở trên) cho các bạn ông mà Chúa thay đổi tình huống của ông (Gióp 42:10).

Trong thời gian phồn hưng, tất cả lời cầu nguyện là nhằm vào người khác. Duncan Campbell mô tả sự phồn hưng là “một sự bão hòa Đức Chúa Trời” (Edwards 26). Khi người ta bão hòa Đức Chúa Trời, họ quan tâm đến người khác hơn là bản thân. Lòng trắc ẩn của Chúa cho các linh hồn trở thành lòng trắc ẩn của họ.

Hãy nghe Finney mô tả ưu thế của sự cầu nguyện trong thời gian phồn hưng : “Tôi đã nói nhiều lần chính linh cầu nguyện đã chiếm ưu thế trong các cuộc phồn hưng này là một đặc điểm nổi bật trong các buổi nhóm này. Thông thường những người mới tin Chúa hay cầu nguyện, và trong một số trường hợp, họ thường lặp lại cầu nguyện suốt đêm, và cho đến khi thối xác mệt nhoài, vì nhiều linh hồn tin Chúa xung quanh họ. Đức Thánh Linh tác động rất mạnh lên tâm trí của cơ thể nhân; và họ dường như cùng mang gánh nặng về những linh hồn đời đời, thay vì nói chuyện, họ quỳ gối cầu nguyện.

“Không chỉ các buổi nhóm cầu nguyện được nhiều người tham gia ... nhưng có tinh thần cầu nguyện mạnh mẽ. Cơ thể nhân cầu nguyện rất nhiều, nhiều người đến nhiều giờ cầu nguyện riêng. Trong trường hợp có hai người trở lên thì hãy nhận lời hứa này: ‘Nếu hai người trong các người hiệp một cầu xin bất cứ điều gì họ cầu xin, Cha ta trên trời sẽ làm cho họ’ và xem ai đó thành đối tượng cầu nguyện; và thật kỳ diệu tầm mức mà những lời cầu nguyện hướng tới. Sự đáp lời cầu nguyện được bày tỏ trong nhiều phương diện, không ai thoát khỏi sự cáo trách mà Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện mỗi giờ, mỗi ngày” (Finney 141-42).

Đọc qua các cuộc phồn hưng sẽ thấy ngay hàng trăm, hàng ngàn và thậm chí hàng triệu linh hồn tin Chúa trong những thời điểm này. Jonathan Edwards xem phồn hưng là phương cách chính Chúa dùng để mang nước Ngài (Edwards 26). Vậy nếu bạn muốn thấy những linh hồn được cứu, hãy cầu nguyện xin phồn hưng!

God Entered My Room After Watching This Video!

Buddhist woman converts to Jesus after Heavenly encounter.

Phân tích triết lý vô ngã của nhà Phật

Đón nhập:

Cột trụ của Phật giáo là thuyết Vô Ngã. Thuyết Vô Ngã do chính Phật Thích Ca, giáo chủ của Phật giáo giảng dạy. Trong kinh Pháp Cú 20:5-7 ghi lại lời dạy của Phật Thích Ca như sau:

“Chư Hành vô thường (Mọi sự vật bị giới hạn đều là vô thường – luôn biến đổi)

“Chư Hành là khổ (Mọi sự vật bị giới hạn đều là khổ – đời sống không có sự vui thõa)

“Chư Pháp vô ngã (Mọi pháp là vô ngã - “pháp” bao gồm sắc pháp tức vật lý và tâm pháp tức tâm lý)

Chữ “pháp” là một thuật ngữ độc đáo trong Phật học, nó bao gồm tất cả những gì thuộc về thế giới vật lý lẫn những gì thuộc về thế giới tâm lý, nó bao gồm cả Niết bàn. Theo giáo lý Nguyên Thủy (Theravàda) không có Ngã trong các pháp (mọi sự vật) cũng như không có Ngã trong con người. Trong Trung Bộ Kinh, Phật Thích Ca dạy rằng:

“Hỡi các Tỳ Kheo, khi mà Ngã hay bất cứ cái gì thuộc về Ngã không có, thì quan điểm tư duy này: Vũ trụ là linh hồn, ta sẽ là linh hồn sau khi chết, sẽ trường tồn, tồn tại, vĩnh viễn bất biến, và ta sẽ hiện hữu như thế cho đến vô tận thời gian – quan điểm ấy có phải là hoàn toàn điên rồ chẳng?”

Từ thuyết Vô Ngã, Phật Thích Ca khai mở một chiều thuyết, và sau chiều thuyết này trở thành giáo lý cột trụ của một tôn giáo lớn gọi là Phật giáo. Hơn 2500 năm đã trôi qua kể từ ngày Phật Thích Ca rao giảng thuyết Vô Ngã, hàng tỷ người trên thế giới đã tin vào thuyết này và cố gắng “tu tập” để có thể chiêm nghiệm được cái lý lẽ của thuyết Vô Ngã. Danh từ “Phật” dùng để gọi một người đã quán triệt Vô Ngã, thế nhập Không Tánh. Phật Thích

Ca xưng rằng Ngài là Phật đã thành còn chúng sinh là Phật sẽ thành, nhưng trên 2500 năm qua, lịch sử cho ghi nhận có mỗi một mình Ngài Thích Ca tự xưng là Phật. Nói cách khác, chỉ có mỗi một mình người lập ra thuyết Vô Ngã xưng nhận là mình đã chứng nghiệm được thuyết ấy.

Có phải thuyết Vô Ngã quá thâm diệu cho nên suốt hơn 2500 ngàn năm nay ngoài Phật Thích Ca ra không ai có đủ trình độ, khả năng, sự thông sáng, hoặc lòng nhiệt thành để giác ngộ? Bài viết này nhằm phân tích và so sánh thuyết Vô Ngã của triết Phật và tín lý Hữu Ngã trong Thánh Kinh. Tác giả ước mong những điều được trình bày dưới đây sẽ góp phần làm sáng tỏ sự tương phản giữa hai phạm trù nói trên.

Định nghĩa một số từ ngữ:

Ngã: Mỗi tôn giáo hoặc trường phái triết học có những định

nghĩa khác nhau về Ngã, (Ngã là một danh từ Hán Việt). Một cách tổng quát, Ngã là một thực thể (một cái gì có thật), trường tồn và là một phần của con người, là một “cái tôi” tuyệt đối riêng biệt, không ai thay thế được, là phần làm chủ và trách nhiệm mọi tư duy, tình cảm, ý chí, hành động của con người. Tiếng Phạn (Sanskrit) gọi Ngã là “Atman”, tiếng Anh gọi là “Self”, tiếng Việt gọi nôm na là “cái Tôi” hoặc “cái Ta”. Cơ-đốc-giáo (Christianity) gọi là Linh hồn (Soul). Triết Phật dạy rằng, một Ngã như vậy không có thật, mọi quan niệm về Ngã chỉ là ảo tưởng, mọi nhận thức về Ngã chỉ là ảo giác.

Nhập Không Tánh: Trạng thái quán triệt Vô Ngã dẫn đến sự quán triệt Tánh Không của mọi pháp. (Tánh Không của mọi pháp là: vạn vật, kể cả “cái Ta” không có thật, không có tự tánh, không thể nắm bắt nên thật ra không sinh không diệt. Sự sinh và diệt mà chúng sinh kinh nghiệm mỗi ngày chỉ là sự sinh và diệt của những ảo ảnh.) Nhập Không Tánh tức đức đạo, tức nhập Niết bàn.

Niết bàn: Không phải là một nơi chốn như Thiên Đàng hay Hỏa Ngục mà là trạng thái giải thoát, an nhiên tự tại, nhờ thấu hiểu (giác ngộ) chân tướng của vạn vật là Không, nên chấm dứt và thoát ra ngoài mọi ý niệm, thoát mọi chấp Ngã (thoát khỏi sự cho rằng Ngã có thật), thoát mọi chấp pháp (thoát khỏi sự cho rằng mọi vật có thật, có tự tánh, có sinh, có diệt), thoát khỏi luân hồi, tức thoát vòng sinh tử.

Pháp: (1) Chư Pháp: Mọi sự vật, sự việc trong thế giới vật lý lẫn thế giới tâm lý, kể cả Niết bàn. (2) Phật pháp: Lời dạy của Phật Thích Ca. (3) Pháp môn: Phương cách tu tập để quán triệt Vô Ngã và Không Tánh. Theo Phật Thích Ca, có đến 84,000 Pháp môn. Các nhà Phật học không thống nhất với nhau về ý nghĩa của con số 84,000 pháp môn.

Dưới đây là luận giải của tác giả:

– Tứ Diệu Đế thiên biến = $(4) \times (1000) = 4000$

– Bát Chánh Đạo vạn hóa = $(8) \times (10,000) = 80,000$

– Pháp môn tu tập để Giác Ngộ =

Tứ Diệu Đế thiên biến + Bát Chánh Đạo vạn hóa $(4000 + 80,000 =$

84,000 pháp môn)

Phật: Người quán triệt, tức giác ngộ Vô Ngã (thấy và hiểu sự vận hành của mọi “pháp” như chúng vốn là như vậy, tức vạn vật chỉ là vô giác) dứt mọi ý niệm (nguyên có tạo ra vô giác) nên thoát vòng sinh tử (ra khỏi luân hồi), nhập Không Tánh (thoát Khổ, trừ bỏ Chân Không, đạt Niết bàn), trở thành Phật, tức Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vô Minh: U mê, tăm tối, phát sinh ra những ý niệm không thật khiến tạo ra các vô giác (các pháp của thế gian) dẫn đến những nhận thức sai lầm, tạo ra nghiệp lực, thu hút Tứ Đại (tạo thành thân xác), giam giữ chúng sinh miệt mài luân chuyển trong 12 yếu tố của Duyên Khổ (luân hồi). Nếu có 84,000 pháp môn giải thoát thì cũng có 84,000 cảnh giới vô minh.

– Ngũ Uẩn: Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức (5) X (12) Yếu tố Duyên Khổ = 60 (sựChấp Pháp)

– Tam Độc: Tham, Sân, Si (3) X (8) Tám Thức: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý, Tạng Trúy, Tàng = 24 (sựChấp Ngã)

– Khổ: Chấp Pháp + Chấp Ngã X thiên biến = vạn hóa (60 + 24 X 1000 = 84,000 cảnh giới)

* Khổ thiên biến mà thành ra vạn hóa: Khổ = thiên biến → vạn hóa.

* Giác Ngộ vừa thiên biến mà vừa vạn hóa: Giác Ngộ = thiên biến + vạn hóa.

Chương I: Lập luận Vô Ngã (Anatta) của triết Phật

Phật Thích Ca lập thuyết Vô Ngã dựa trên các suy luận sau đây:

A. Nhận định Duyên khổ:

Được sinh trưởng trong môi trường văn hóa của Ấn giáo, ít nghi ngờ Đức Thích Ca cũng ảnh hưởng thuyết Nhân Duyên và Luân Hồi của Ấn giáo. Đối diện với cuộc sống, chứng kiến thế nhân sinh, lão, bệnh, tử – nhìn thấy vạn vật thành, trụ, hoại,

diệt; Đức Thích Ca suy ra mọi sự vật đều giới hạn, tương đ \ddot{u} i và phụ thuộc lẫn nhau theo công thức sau đây:

- 1) Cái này có thì cái kia có (vì có hạt lúa nên có cây lúa)
- 2) Cái này sinh thì cái kia sinh (vì cây lúa sinh ra hạt lúa nên từ hạt lúa lại sinh ra cây lúa khác)
- 3) Cái này không có thì cái kia không có (không có hạt lúa thì không có cây lúa)
- 4) Cái này diệt thì cái kia diệt (hạt lúa bị diệt thì cây lúa – sẽ sinh ra từ hạt lúa \ddot{u} y – cũng bị diệt)

Theo Tương Ứng Kinh bộ II thì 12 y \ddot{u} t \ddot{u} Duyên Kh \ddot{u} i trong tri \ddot{u} t Phật là:

1. Vô Minh
2. Hành
3. Thức
4. Danh S \ddot{u} c
5. Lục Nhập
6. Xúc
7. Th \ddot{u}
8. Ái
9. Th \ddot{u}
10. Hữu
11. Sinh
12. Lão – T \ddot{u} (Ưu, Bi, Kh \ddot{u} n \ddot{a} o)

Vô Minh sinh ra Hành, Hành sinh ra Thức, Thức sinh ra Danh S \ddot{u} c, Danh S \ddot{u} c sinh ra Lục Nhập, Lục Nhập sinh ra Xúc, Xúc sinh ra Th \ddot{u} , Th \ddot{u} sinh ra Ái, Ái sinh ra Th \ddot{u} , Th \ddot{u} sinh ra Hữu, Hữu sinh ra Sinh, Sinh sinh ra Lão, T \ddot{u} , (Ưu, Bi, Kh \ddot{u} n \ddot{a} o).

Từ nhận định đó (dựa vào thuy \ddot{u} t Nhân Duyên và Luân H \ddot{u} i c \ddot{u} a \ddot{u} n giáo), Đức Thích Ca lập ra thuy \ddot{u} t Duyên Kh \ddot{u} i, cho rằng mọi sự vật tương quan và luân chuy \ddot{e} n trong một vòng tròn c \ddot{u} a luật Duyên Kh \ddot{u} i (duyên=sinh ra, kh \ddot{u} i=b \ddot{u} t

đồu).

B. Phân tích Ngũ Uẩn:

Khi suy tư về bản thể của con người, Đức Thích Ca nhận thấy con người là một tổng thể bao gồm các phần thấy được, đụng chạm được và các phần không thấy được, không đụng chạm được. Đức Thích Ca phân tích con người thành Ngũ Uẩn. Uẩn là một tập hợp, một nhóm. Ngũ Uẩn (năm tập hợp) đó là:

1) Sắc Uẩn: Tức Thân + Tâm (được cấu tạo bởi Tứ Đại là đất + nước + gió + lửa), Sắc Uẩn bao gồm các Giác Quan (Căn)

2) Thụ Uẩn: Tức là những Cảm Thụ (cảm giác nhận được) do sự tiếp xúc giữa 6 Căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và 6 Trữn (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)

3) Tư tưởng Uẩn: Tức là những Tư Duy phát sinh từ những Cảm Thụ, tạo ra các Khái Niệm

4) Hành Uẩn: Sự Lưu Chuyển của các Khái Niệm, biến Khái Niệm thành Hành Động.

5) Thức Uẩn: Sự Nhận Biết và Phân Biệt các Khái Niệm. Riêng Thức Uẩn chia làm 8 Thức khác nhau:

a) Nhãn Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do mắt nhìn thấy vạn vật.

b) Nhĩ Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do tai nghe từ vạn vật.

c) Tỷ Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do mũi ngửi được từ vạn vật.

d) Thiệt Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do lưỡi nếm lấy từ vạn vật.

e) Thân Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do

thân th₀ tiếp xúc với vạn vật.

f) Ý Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm tổng hợp từ các khái niệm do 5 thức trên đem lại.

g) Mạt Na Thức (Manas Vijnāna) còn gọi là Ý Căn, là nơi phát sinh ra Ý Thức. Mạt Na Thức truy₀n các hệ quả (hạt giống – chủng tử) của những Khái Niệm đã biến thành hành động (pháp hiện hành) vào Tầng Thức và tổng đưa các hệ quả đã nhu₀n th₀m, chín mùi ra hiện hành, nên còn được gọi là Tổng Truy₀n Thức. Mạt Na Thức khi₀n chúng sinh nhìn thấy một ₀o giác vô Ngã, là gốc của sự Chấp Ngã, là ngu₀n gốc của 4 phiền não căn bản:

- Ngã Si (sự vô minh, u mê, ngu tối vô bản ngã)
- Ngã Ái (sự yêu thương quy₀n luy₀n bản ngã)
- Ngã Kiến (sự nhìn thấy những sai lầm của bản ngã)
- Ngã Mạn (sự kiêu căng, ngạo mạn cho bản ngã là cao c₀ hơn hết)

Tương truy₀n Phật Thích Ca nói câu sau đây: “Thiên Thượng Địa Hạ Duy Ngã Độc Tôn”.

Nhi₀u người gi₀i luận câu này cho rằng Phật Thích Ca có ý tuyên bố rằng: “Trên Tr₀Đi Dưới Đ₀t Chỉ Mình Ta (Phật Thích Ca) Đáng Tôn Quý”. Thật ra, nếu quả thật Phật Thích Ca có tuyên bố câu này, thì chỉ là nhằm kiên định cái thuyết Vô Ngã mà thôi. Ý của câu

đó có thể gi₀i luận như sau: “Kh₀p vũ trụ (trên trời dưới đ₀t) chỉ có cái NGÃ của chúng sinh là được chúng sinh tôn làm cao c₀ hơn hết (mặc dù cái Ngã không có thực).

h) A Lại Da Thức (Alaya Vijnāna) còn gọi là Tầng Thức. Thức này bao g₀m 3 chức năng:

- Năng Tầng: Chức năng chứa đựng, gìn giữ các chủng tử (hạt giống) của các pháp, tức chứa đựng những hệ quả của các hành động yhiện cũng như ác của chúng sinh.
- S₀ Tầng: Chức năng tiếp ₀, nhu₀n th₀m những chủng tử được chứa

trong Tàng Thức. Khi đã nhuần thắm, chín mùi thì các chủng tử này được Tạng Truyển Thức tống đưa ra thành hành động.

– Ngã Ái Chấp Tàng: Chức năng duy trì một ảo giác về cái Ngã (Chấp Ngã), yêu thương cái Ngã, độc tôn cái Ngã, và đó chính là lực lượng qui tụ Tứ Đại để kết thành thân xác chúng sinh.

C. Suy luận Tánh Không:

Triết Phật không công nhận “Nguyên Nhân Đều Tiên”. Triết Phật cho rằng duyên khởi là vì Vô Minh (u mê, ngu tối). Vì u mê, ngu tối cho nên chúng sinh mới tư tưởng các pháp (vạn vật) là có thật, tức Chấp Pháp. Vì Chấp Pháp (cho rằng vạn vật là có thật) nên chúng sinh tư tưởng rằng mọi pháp đều có tự tính, dẫn đến Chấp Ngã (cho rằng mọi con người có một bản ngã, còn gọi là “cái Tôi”, “cái Ta”, hoặc Linh Hồn.)

Ví như một lửa hành trong sa mạc nóng cháy, khao khát tìm được nước uống. Đến một

lúc nào đó, sự khao khát nước uống cho cơ thể thiêu nước khiến cho người đó bị ảo giác thấy một vũng nước hay một cốc đồ giữa sa mạc:

1. Vũng nước hay cốc đồ có hình ảnh hiện ra nhưng không có thật (sức tức thị không: tư tưởng là có mà thật ra không có).

2. Vũng nước hay cốc đồ tuy không có thật nhưng vẫn có hình ảnh hiện ra (không tức thị sức: dù là chúng có thật nhưng vẫn hiện ra như có thật).

3. Sự khao khát nước uống, bóng mát làm cho người lửa hành nhìn thấy ảo ảnh của vũng nước hoặc cốc đồ mà tư tưởng là nó có thật (vô minh khiến chúng sinh tùy theo các ý niệm mà nhìn thấy những hình ảnh [Danh Sức] của vạn vật [các Pháp] và tư tưởng các pháp là có thật, tức Chấp Pháp).

4. Cái mệt mỏi, khát nước của thể xác khiến cho người lửa hành ý thức rằng: “Tôi mệt”, “Tôi khát”, “Tôi cần uống nước”, “Tôi cần nghỉ ngơi trong bóng mát” ... nhưng bóng mát không có thật,

nước uống không có thật nên không thọ mãi được nhu cầu, sinh ra Khổ.

(Vô minh khiến chúng sinh vì Chấp Ngã – tư tưởng mình là có thật, mà sinh ra

Chấp Pháp – tư tưởng các pháp là có thật. Ví như người lữ hành tư tưởng là thật xác mình có thật, cho rằng sa mạc có thật, mặt trời có thật, vũng nước có thật, cốc đồ có thật nên đau khổ vì cát nóng, nóng cháy, vì thân thật bị mất nước, vì thêm được uống nước nhưng vũng nước không có thật, vì thêm được núp bóng mát nhưng cốc đồ không có thật.)

D. Lập thuyết Vô Ngã:

Sự luận giải về thuyết Vô Ngã của triết Phật có thể tóm tắt như sau: Từ vô lượng kiếp, chúng sinh quay cuồng trong vòng luân hồi sinh tử, bởi vì trong một lúc nào đó, ở thời quá khứ vô cùng khải (có thể độn hàng tử tử năm về trước!) vì u mê, ngu tối (Vô Minh) mà chúng sinh phát khởi các ý niệm hoặc thiện hoặc ác (Hành). Những ý niệm này hình thành các khái niệm (Thức). Các khái niệm tạo ra những hiện tượng tâm lý và vật lý tức là tạo nên vạn vật (Danh Sắc). Tạo nên khiến sinh ra các giác quan và ý thức (Lục Nhập). Các giác quan và ý thức phát sinh ra sự đụng chạm và tiếp xúc (Xúc). Sự đụng chạm và tiếp xúc đem lại cảm giác và nhận định (Thọ). Cảm giác và nhận định sinh ra sự ham muốn (Ái). Sự ham muốn tạo thành ý chí bám víu, giữ lấy (Thọ). Ý chí bám víu, giữ lấy kết tinh thành thực thể (Hữu). Thực thể trở thành sự sống (Sinh). Sự sống suy tàn rồi tiêu tan dần dần già cỗi và sự chết (Lão – Tử), cùng những lo, buồn, đau đớn. Chu trình này sẽ tái diễn dần vô lượng lần, mỗi lần là một kiếp, trong tương lai vô cùng tận.

Trong chu trình Duyên Khởi (12 yếu tố kể trên) mỗi yếu tố vừa là nhân của yếu tố này mà

là quả của yếu tố kia. Tùy theo những ý niệm phát sinh mà Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) kết thành thân xác của chúng sinh. Thân Tứ Đại sinh ra khi hội đủ Pháp hiện hành và chết đi khi Pháp hiện hành đã hết, đó là một kiếp của chúng sinh. Tuy nhiên, trong một kiếp đó sự luân chuyển, thể hiện

của các Pháp hiện hành đã tạo ra các nhân thiện hoặc ác khác (Chứng Tội) và được Tổng Truy Vấn Thức đem cất giữ vào Tầng Thức. Khi những chứng tội này đã được thâu nạp trong Tầng Thức thì Tổng Truy Vấn Thức phóng chúng ra thành các Pháp Hiện Hành mới, thu hút Tứ Đại, tạo ra một thân xác mới. Tiến trình này được gọi là Nghiệp Lực. Nghiệp lực cứ khiến cho chúng sinh quay cuồng trong chu trình bất tận của Duyên Khởi nghĩa là chúng sinh có thể trôi qua vô lượng kiếp!

Trong 12 yếu tố của Duyên Khởi, nếu phá được Vô Minh thì diệt được Hành. Hành không có thì diệt được Thức. Thức không có thì diệt được Danh Sắc. Danh Sắc không có thì diệt được Lục Nhập. Lục Nhập không có thì diệt được Xúc. Xúc không có thì diệt được Thọ. Thọ không có thì diệt được Ái. Ái không có thì diệt được Thọ. Thọ không có thì diệt được Hữu. Hữu không có thì diệt được Sinh. Sinh không có thì diệt được Lão, Tội, Ưu, Bi, Khổ não.

Làm sao để phá được Vô Minh? Bằng cách quán triệt chân tướng của sự vật (các pháp) chứ là KHÔNG! Như vậy, muốn thoát khổ (được giải thoát) con người cần phải quán triệt Chân Tướng của sự vật, của chính mình. Khi quán triệt Chân Tướng của sự vật, của chính mình, thì sẽ Giác Ngộ, nghĩa là nhận ra vạn vật, trong đó có mình, chứ là

không giác, không có thật. Có thể nói như sau: Những gì tôi nhận thấy chung quanh tôi hoặc về chính tôi chứ là không giác. Tại tôi tưởng là chúng có thật cho nên có cái tôi yêu thích, có cái tôi ghét bỏ, có cái tôi khao khát, có cái tôi tìm cầu, có cái tôi muốn nắm giữ, có cái tôi muốn vứt bỏ... và khi không thỏa mãn được ý mình thì tôi khổ. Cho đến lúc tôi nhận ra, vạn vật, trong đó có tôi, đều không có thật, đều Vô Ngã, thì tôi hết khổ, tôi nhập Niết bàn.

UY QUYỀN CỦA NGƯỜI CHỒNG (Bài số 29)

BÀI VIẾT TẶNG TRƯỞNG TÂM LINH NGƯỜI LÃNH ĐẠO THUỘC LINH:

UY QUYỀN CỦA NGƯỜI CHỒNG (Bài số 29)

(sưu tập)

Trong Ê-phê-sô chương 5 Kinh thánh nói rằng người vợ phải phục dưới uy quyền của chồng mình trong mọi sự (câu 24) cũng như Hội thánh phục dưới Đấng Christ.